

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Tên chương trình (tiếng Việt): **TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

Tên chương trình (tiếng Anh): **FINANCE AND BANKING**

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Mã ngành: **8340201**

Loại hình đào tạo: Chính quy

Khoa quản lý: **Khoa Tài chính - Kế toán**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): FINANCE AND BANKING

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng

Mã ngành đào tạo: 8340201

Khối ngành: III - Kinh doanh và quản lý

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thông tin về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành < tên ngành > trình độ Thạc sĩ của Trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục < tên tiêu chuẩn >, từ < năm >.

VD 1 Chương trình đào tạo ngành Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm trình độ đại học của Trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (MOET), từ năm 2019.

VD 2 Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thực phẩm trình độ đại học của Trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục AUN-QA của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (ASEAN University Network - Quality Assurance), từ năm 2018.

Chương trình đào tạo này được xây dựng theo định hướng đăng ký đánh giá ngoài cấp chương trình đào tạo theo *tiêu chuẩn chất lượng giáo dục < tên tiêu chuẩn tương tự như trên >*

(Chỉ sử dụng câu này trong trường hợp chưa đánh giá ngoài cấp chương trình).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng theo hướng nghiên cứu, ứng dụng trong các lĩnh vực Tài chính và Ngân hàng. Sau khi tốt nghiệp người học có khả năng tư duy phản biện, có tính sáng tạo và định hướng dịch vụ, có kỹ năng và kiến thức để thực hiện các công việc chuyên môn cao trong lĩnh vực Tài chính và Ngân hàng nhằm đạt được chất lượng và hiệu quả cao trong điều kiện phát triển kinh tế bền vững của đất nước và hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Học viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm:

1.2.1. Kiến thức

Có kiến thức chuyên sâu, hiện đại về chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng để thực hiện phân tích đánh giá; hoạt động quản trị điều hành, ra quyết định liên quan đến lĩnh vực TCNH.

1.2.2. Kỹ năng

Có khả năng tư duy phản biện, có tính sáng tạo, có nhận thức để nghiên cứu và định hướng ngành nghề thuộc lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Đồng thời có kỹ năng làm việc nhóm, phân tích, nghiên cứu, quản lý, để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực Tài chính và Ngân hàng trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Khả năng đưa ra những sáng kiến quan trọng; Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. Khả năng đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Mặt khác, có khả năng quản lý và cải tiến các hoạt động chuyên môn về Tài chính – Ngân hàng.

1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có đạo đức, thái độ nghề nghiệp chuyên nghiệp, khả năng làm việc nhóm, khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển nghề nghiệp bản thân. Tự chịu trách nhiệm trong công việc tài chính – ngân hàng ở những môi trường khác nhau.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Sau khi hoàn thành khóa học, người học có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm:

2.1. Chuẩn đầu ra cho chương trình theo định hướng nghiên cứu

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
a	Kiến thức	
PLO1	Phân tích và biện luận về khoa học xã hội, khoa học chính trị để quản lý, điều hành.	C4
PLO1.1	Phân tích và biện luận khoa học xã hội, khoa học chính trị để quản lý, điều hành.	C4
PLO1.2	Lựa chọn phương pháp nghiên cứu khoa học để phát triển tri thức mới.	C4
PLO2	Tổng hợp và đánh giá chuyên sâu các vấn đề phức tạp liên quan đến ngành tài chính - ngân hàng	C5
PLO2.1	Tổng hợp và đánh giá các kiến thức chuyên sâu về tài chính, ngân hàng	C5

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
PLO2.2	Phân tích và đánh giá các chiến lược, chính sách một cách có hệ thống về lập kế hoạch, tổ chức, quản lý điều hành và giám sát hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực hoạt động tài chính - ngân hàng.	C5
b	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân	
PLO3	Thực hiện được việc phân tích và giải thích thông tin kinh tế tài chính liên quan lĩnh vực tài chính - ngân hàng	P4
PLO3.1	Thực hiện được việc phân tích thông tin kinh tế tài chính liên quan lĩnh vực tài chính - ngân hàng để phục vụ cho việc nghiên cứu.	P4
PLO3.2	Phối hợp được các kỹ năng đơn giản để thực hiện kỹ năng phức tạp để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, đánh giá, và báo cáo công việc để cung cấp thông tin cho việc ra quyết định.	P4
PLO4	Thực hiện được việc tìm kiếm, nghiên cứu, tổng hợp được tài liệu, thông tin, bằng chứng khoa học để khám phá vấn đề mới	P4
PLO5	Thiết lập được việc phân tích chuyên sâu các quan điểm khoa học để có thể phản biện, giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.	A4
c	Kỹ năng tương tác	
PLO6	Thực hiện chính xác kết quả công việc liên quan đến nghề nghiệp tài chính - ngân hàng bằng tiếng Việt hay tiếng Anh	P3
PLO6.1	Thể hiện đúng về chuyên đề, báo cáo thực tập, luận văn đã thực hiện	P3
PLO6.2	Sử dụng ngoại ngữ để có thể giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực tài chính - ngân hàng	P3
d	Năng lực thực hành nghề nghiệp (Năng lực tự chủ)	
PLO7	Nhận diện được bối cảnh kinh tế xã hội để tạo ra những hiểu biết mới hoặc giải quyết câu hỏi nghiên cứu đặt ra.	R4
PLO8	Xây dựng được quy trình kiểm soát, hoạch định kế hoạch tài chính, đánh giá tình hình tài chính để quyết định hoặc tham mưu ra quyết định của đơn vị.	P4

2.2. Chuẩn đầu ra cho chương trình theo định hướng ứng dụng

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
a	Kiến thức	
PLO1	Phân tích và biện luận về khoa học xã hội, khoa học chính trị để quản lý, điều hành.	C4
PLO1.1	Phân tích và biện luận khoa học xã hội, khoa học chính trị để quản lý, điều hành.	C4
PLO1.2	Lựa chọn phương pháp nghiên cứu khoa học để phát triển tri thức mới.	C4
PLO2	Tổng hợp và đánh giá chuyên sâu các vấn đề phức tạp liên quan đến ngành tài chính - ngân hàng	C5
PLO2.1	Tổng hợp và đánh giá các kiến thức chuyên sâu về tài chính, ngân hàng	C5
PLO2.2	Tổng hợp và đánh giá các chiến lược, chính sách một cách có hệ thống về kế hoạch, quản lý điều hành, giám sát liên quan lĩnh vực tài chính, tài chính - ngân hàng	C5
b	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân	
PLO3	Thực hiện được việc phân tích và giải thích thông tin kinh tế tài chính liên quan lĩnh vực tài chính - ngân hàng	P4
PLO3.1	Thực hiện được việc phân tích thông tin kinh tế tài chính liên quan lĩnh vực tài chính - ngân hàng để phục vụ cho việc nghiên cứu.	P4
PLO3.2	Phối hợp được các kỹ năng đơn giản để thực hiện kỹ năng phức tạp để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, đánh giá, và báo cáo công việc để cung cấp thông tin cho việc ra quyết định.	P4
PLO4	Thực hiện được việc tìm kiếm, nghiên cứu, tổng hợp được tài liệu, thông tin, bằng chứng khoa học để khám phá vấn đề mới	P4
PLO5	Thiết lập được việc phân tích chuyên sâu các quan điểm khoa học để có thể phản biện, giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.	A4
c	Kỹ năng tương tác	
PLO6	Thực hiện chính xác kết quả công việc liên quan đến nghề nghiệp tài chính - ngân hàng bằng tiếng Việt hay tiếng Anh	P3
PLO6.1	Thể hiện đúng về chuyên đề, báo cáo thực tập, luận văn đã thực hiện	P3

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
PLO6.2	Sử dụng ngoại ngữ để có thể giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực tài chính - ngân hàng	P3
d	Năng lực thực hành nghề nghiệp (Năng lực tự chủ)	
PLO7	Nhận diện được bối cảnh kinh tế xã hội để tạo ra những hiểu biết mới hoặc giải quyết câu hỏi nghiên cứu đặt ra.	R4
PLO8	Xây dựng được quy trình kiểm soát, hoạch định kế hoạch tài chính, đánh giá tình hình tài chính để quyết định hoặc tham mưu ra quyết định của đơn vị.	P4

3. Khối lượng học tập

3.1. Cấu trúc chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu

TT	Kiến thức	Khối lượng kiến thức	Tỷ lệ %
1	Triết học	4 tín chỉ	7%
2	Học phần chuyên ngành	29 tín chỉ	48%
3	Các chuyên đề, thực tập	12 tín chỉ	20%
4	Luận văn	15 tín chỉ	25%
Tổng số tín chỉ tích lũy		60 tín chỉ	100%

3.2. Cấu trúc chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng

TT	Kiến thức	Khối lượng kiến thức	Tỷ lệ %
1	Triết học	4 tín chỉ	7%
2	Học phần chuyên ngành, đồ án học phần, chuyên đề	40 tín chỉ	67%
3	Thực tập	8 tín chỉ	13%
4	Đề án	8 tín chỉ	13%
Tổng		60 tín chỉ	100%

4. Thời gian đào tạo

Thời gian thiết kế: 1,5 năm.

Thời gian hoàn thành chương trình đào tạo tối đa bao gồm thời gian thiết kế và thời gian được phép kéo dài được quy định trong Quy chế đào tạo sau đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 1279/QĐ-DCT ngày 26/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Văn bằng tốt nghiệp

Văn bằng: Thạc sĩ.

6. Chuẩn đầu vào

Người học có bằng tốt nghiệp đại học hoặc tương đương và đáp ứng các tiêu chuẩn xét tuyển hoặc thi tuyển đầu vào của Trường.

Người tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp được dự thi/xét tuyển ngay sau khi tốt nghiệp. Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành dự thi/xét tuyển phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi/xét tuyển theo danh mục học phần bổ sung kiến thức.

Ngành phù hợp	Ngành gần	Môn học bổ sung
Tài chính ngân hàng	<ul style="list-style-type: none">- Bảo hiểm- Công nghệ tài chính- Kế toán- Kế toán – Kiểm toán- Quản trị kinh doanh- Kinh doanh thương mại	<ol style="list-style-type: none">1. Lý thuyết tài chính tiền tệ (2 TC)2. Ngân hàng thương mại 1,2 (2 TC)3. Ngân hàng trung ương (2 TC)4. Quản trị ngân hàng (2 TC)5. Hệ thống thông tin ngân hàng (2 TC)

7. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Có thể đảm nhiệm các vị trí trưởng phòng giao dịch, giám đốc chi nhánh hoặc giám đốc các tổ chức tín dụng, giám đốc tài chính ở các doanh nghiệp. Học viên tốt nghiệp chuyên ngành tài chính – ngân hàng có thể làm cán bộ quản lý ở các tổ chức tín dụng, các ngân hàng thương mại, cơ quan thuế và các tổ chức tài chính tín dụng khác.

8. Kế hoạch đào tạo

8.1. Kế hoạch đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu

STT	Mã môn học	Mã tự quản	Tên môn học	Số tín chỉ
Học kỳ 1				18
Học phần bắt buộc				14
1	100409	11100012	Triết học	4(4,0,0)
2	101509	12100021	Phương pháp nghiên cứu định tính	2(2,0,0)
3	101510	12100022	Phương pháp nghiên cứu định lượng	2(2,0,0)
4	102327	12100001	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính kế toán	2(2,0,0)
5	102329	12200109	Báo cáo tài chính nâng cao	2(2,0,0)
6	102389	12100035	Nguyên lý ngân hàng	2(2,0,0)
Học phần tự chọn				4
1	100443	12100006	Dự báo trong kinh doanh và kinh tế	2(2,0,4)
2	100444		Hệ thống thông tin quản lý	2(2,0,4)
3	102395	12100027	Phân tích dữ liệu trong tài chính kế toán	2(2,0,0)
4	103015	12100050	Nhập môn fintech	2(2,0,0)
5	103016	12100052	Chuyển đổi số	2(2,0,0)
Học kỳ 2				21
Học phần bắt buộc				15
1	100447	12100007	Quản trị tài chính hiện đại	2(2,0,4)
2	100449	12100009	Phân tích chính sách thuế	2(2,0,4)
3	100450	12100010	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	2(2,0,4)
4	102330	12207110	Chuyên đề nghiên cứu 1	3(0,3,0)
5	102331	12207111	Chuyên đề nghiên cứu 2	3(0,3,0)
6	103009	12100018	Kiểm soát nội bộ nâng cao	3(3,0,0)
Học phần tự chọn				6
1	100442	12100002	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	2(2,0,4)
2	100451	12100011	Mô hình tài chính	2(2,0,4)
3	100454	12100014	Quản trị ngân hàng hiện đại	2(2,0,4)
4	100455	13100017	Quản trị danh mục đầu tư	2(2,0,4)
5	101505	18101048	Luật kinh doanh	2(2,0,0)
6	101511	12100023	Tài chính hành vi	2(2,0,0)
Học kỳ 3				21
Học phần bắt buộc				21
1	102332	12207112	Chuyên đề nghiên cứu 3	3(0,3,0)
2	102333	12204104	Thực tập	3(0,3,0)
3	102334	12209105	Luận văn	15(0,15,0)

8.2. Kế hoạch đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng

STT	Mã môn học	Mã tự quản	Tên môn học	Số tín chỉ
Học kỳ 1				20
Học phần bắt buộc				10
1	100409	11100012	Triết học	4(4,0,0)
2	102327	12100001	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính kế toán	2(2,0,0)
3	102329	12200109	Báo cáo tài chính nâng cao	2(2,0,0)
4	102389	12100035	Nguyên lý ngân hàng	2(2,0,0)
Học phần tự chọn				10
1	100442	12100002	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	2(2,0,4)
2	100443	12100006	Dự báo trong kinh doanh và kinh tế	2(2,0,4)
3	100444		Hệ thống thông tin quản lý	2(2,0,4)
4	100446	12100005	Tiền tệ Ngân hàng	2(2,0,4)
5	100456	12100016	Quản trị dự án	2(2,0,4)
6	100457		Quản trị chi phí	2(2,0,4)
7	101505	18101048	Luật kinh doanh	2(2,0,0)
8	102395	12100027	Phân tích dữ liệu trong tài chính kế toán	2(2,0,0)
Học kỳ 2				24
Học phần bắt buộc				6
1	100447	12100007	Quản trị tài chính hiện đại	2(2,0,4)
2	100449	12100009	Phân tích chính sách thuế	2(2,0,4)
3	100450	12100010	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	2(2,0,4)
Học phần tự chọn				18
1	100451	12100011	Mô hình tài chính	2(2,0,4)
2	100452	12100012	Tài chính quốc tế	2(2,0,4)
3	100454	12100014	Quản trị ngân hàng hiện đại	2(2,0,4)
4	100455	13100017	Quản trị danh mục đầu tư	2(2,0,4)
5	101511	12100023	Tài chính hành vi	2(2,0,0)
6	101558		Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	2(2,0,0)
7	101772	13100003	Khoa học lãnh đạo	2(2,0,0)
8	103015	12100050	Nhập môn fintech	2(2,0,0)
9	103016	12100052	Chuyển đổi số	2(2,0,0)
10	103082		Marketing kỹ thuật số	2(2,0,0)
Học kỳ 3				16
Học phần bắt buộc				16
1	103010	12204107	Thực tập	8(0,8,0)
2	103011	12207106	Đề án	8(0,8,0)